

Bản án số: 80/2018/HS-PT
Ngày 15-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông

Bà Lưu Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 95/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Trần Hữu Đ, do có kháng cáo của bị cáo Trần Hữu Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Hữu Đ, sinh năm 1996; tại tỉnh Nghệ An; Hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 6/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Trần Hữu H, sinh năm 1969 và bà Trương Thị N, sinh năm 1971; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2018 cho đến nay, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại ông Nguyễn Hoàng P, do không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu Đ và Nguyễn Văn T là bạn bè, sống chung phòng trọ tại khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 07/01/2018, Đ rủ T đi khám sức khỏe để làm hồ sơ xin việc làm. Sau đó, Đ và T cùng đi bộ tìm phòng khám sức khỏe, khi đi đến khu vực gần ngã ba Ô, Đ nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 93E1-144.47 màu đỏ - đen - bạc của ông Nguyễn Hoàng P, đang dừng trước một ki ốt cạnh đường, trên xe

vẫn cắm chìa khóa nhưng không có người trông giữ. Lúc này, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe bán lấy tiền tiêu xài nên Đ nói cho T biết ý định trộm cắp. Sau khi nghe Đ nói T không phản ứng gì, cũng không trả lời mà tiếp tục đi bộ về hướng ngã ba Ô rồi đứng lại tại đây, còn Đ thì đi bộ về hướng xe 93E1-144.47 quan sát, thấy không có người trông giữ nên Đ đi đến vị trí xe 93E1-144.47 đang dừng, dùng hai tay đẩy lùi xe ra hướng đường D và quay đầu xe về hướng ngã ba Ô rồi ngồi lên xe 93E1-144.47 khởi động máy và điều khiển xe chạy đến khu vực vòng xoay A thuộc thị xã T, tỉnh Bình Dương. Khi Đ điều khiển xe tẩu thoát thì ông P phát hiện truy đuổi nhưng không kịp, sau đó ông P đã đến Công an phường T trình báo. Còn Đ khi chạy đến vòng xoay A thì Đ chạy xe vào một tiệm Internet cạnh đường (không rõ tên, địa chỉ) để vào mạng xã hội Facebook nhắn tin cho T biết. Sau khi nhắn tin xong thì Đ đứng chờ còn T đi xe ôm (không rõ xe của ai) đến vòng xoay A để gặp Đ, khi gặp T thì Đ nói “lấy xe được rồi giờ đi qua Đồng Nai tìm chỗ bán”, nghe vậy T đồng ý. Đ điều khiển xe 93E1-144.47 chở T đi về hướng tỉnh Đồng Nai, khi đi đến khu vực cầu H thuộc thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì Đ dừng xe lại trên cầu H và dùng tua vít có sẵn trong cốp xe tháo biển số 93E1-144.47 ra ném xuống sông Đ. Sau đó, Đ tiếp tục điều khiển xe 93E1-144.47 chở T đến phòng trọ của ông Hoàng Ngọc K là bạn của Đ tại khu nhà trọ N thuộc ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai để gặp K. Sau khi gặp được K, Đ và T cùng K uống rượu tại phòng trọ của K, trong lúc uống rượu thì Đ nói với K “Tao có chiếc xe mua trên Bình Dương không có giấy tờ, mày có mua lại không, tao bán rẻ cho mà đi” K đồng ý, hai bên thống nhất bán với giá 2.000.000 đồng. Sau khi thống nhất xong, K giao tiền cho Đ rồi cả ba tiếp tục uống rượu và ngủ lại phòng của K. Đến chiều ngày 08/01/2018, K mượn xe mô tô (không rõ biển số) của bạn K chở Đ và T về lại phòng trọ của T và Đ tại khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Khi Đ quay về lại phòng trọ thì Công an phường T tiến hành mời Đ về trụ sở làm việc. Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/KLTS – TTHS ngày 15/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, không biển số, màu đỏ - đen - bạc, số máy HC12E5747072, số khung 1216DY746983 đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 14.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định đối tượng Nguyễn Văn T đã chuyển đi nơi khác, không có mặt ở địa phương, không làm việc được với Nguyễn Văn T. Kết quả điều tra đến nay chưa có đủ cơ sở để làm rõ hành vi của Nguyễn Văn T nên Cơ quan cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với Hoàng Ngọc K, khi bán xe cho K thì Đ nói đây là xe do Đ mua, ngoài ra địa bàn xảy ra việc mua bán xe thuộc xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã có công văn số 527 gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để phối hợp giải quyết nhưng đến nay chưa có kết quả

phản hồi. Cơ quan cảnh sát điều tra sẽ tiến hành phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để điều tra làm rõ và xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T đã áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/6/2018, bị cáo Trần Hữu Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương thể hiện như sau:

Về tố tụng: Bị cáo kháng cáo bản án trong thời hạn quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm để xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo là đúng quy định pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Xác định tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Trần Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo Đ 01 (một) năm tù là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Hữu Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Ngày 07/01/2018 tại khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Hữu Đ đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc, biển số 93E1-144.47 có trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 14.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; đồng thời gây tâm lý hoang mang cho người dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam và

nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Đ, Tòa án nhân dân thị xã T tuyên bố bị cáo Trần Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Về đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Hữu Đ: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo và tuyên phạt bị cáo mức án 01 (một) năm tù là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu Đ.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 09/01/2018.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Bị cáo Trần Hữu Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã T;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Văn Lộc